

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Đơn vị: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên
Chương trình đào tạo: Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp

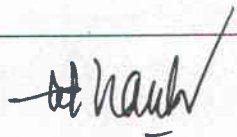
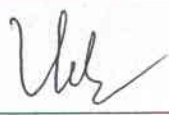
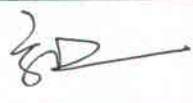
Thái Nguyên - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Đơn vị: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên
Chương trình đào tạo: Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp

Danh sách thành viên đoàn chuyên gia đánh giá ngoài

TT	Họ, tên, cơ quan công tác của các thành viên đoàn chuyên gia ĐGN	Trách nhiệm được giao	Chữ kí
1	Ông Trịnh Xuân Tráng Trường ĐH Y Dược - ĐHTN	Trưởng đoàn	
2	Ông Bùi Đức Nguyên Trường ĐHSP - ĐHTN	Ủy viên TT, Thư kí	
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn Trường ĐHCNTT&TT - ĐHTN	Ủy viên	
4	Ông Đàm Văn Vinh Trường ĐH Nông Lâm - ĐHTN	Ủy viên	
5	Ông Lưu Quang Sáng Khoa Ngoại Ngữ - ĐHTN	Ủy viên	

Thái Nguyên – 2014

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Mục lục	i
Phần I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	2
4. Những mặt mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá	5
5. Những tồn tại	6
6. Kiến nghị đối với đơn vị đào tạo	7
Phần II. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO BỘ TIÊU CHUẨN	9
1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	9
2. Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	13
3. Tiêu chuẩn 3: Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo	17
4. Tiêu chuẩn 4: Kiểm tra đánh giá	19
5. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên.	23
6. Tiêu chuẩn 6: Người học	27
7. Tiêu chuẩn 7: Trang thiết bị, cơ sở vật chất.	31
8. Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/học tập.	35
Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về đơn vị và kết quả tự đánh giá CTĐT	38
Phụ lục B. Quyết định thành lập đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và danh sách các thành viên.	50
Phụ lục C. Danh mục các chữ viết tắt.	51
Phụ lục D. Công văn phản hồi của trường về báo cáo đánh giá ngoài ngành đào tạo thuộc trường	52
Phụ lục E. Văn bản của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài ngành đào tạo gửi trường về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến	53

Phần I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) được thành lập theo Quyết định số 2230a/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Đoàn ĐGN Chương trình đào tạo chương trình đào tạo Đại học Thái Nguyên để đánh giá chương trình đào tạo Cơ khí chế tạo máy của đơn vị: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên (KTCN-ĐHTN).

Bản báo cáo này khái quát quá trình đánh giá ngoài, các kết quả đạt được và những kiến nghị đối với đơn vị. Phần giới thiệu tóm tắt về đơn vị để trong Phụ lục A, quyết định thành lập đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và danh sách các thành viên trong Phụ lục B và danh mục các chữ viết tắt trong Phụ lục C.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Căn cứ Quyết định số 2230a/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Đoàn ĐGN Chương trình đào tạo chương trình đào tạo Đại học Thái Nguyên, Đoàn chuyên gia ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường KTCN-ĐHTN từ ngày 8 tháng 12 năm 2014 đến hết ngày 11 tháng 12 năm 2014. Các công việc Đoàn ĐGN đã thực hiện:

- Đoàn gặp lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo khoa Điện để thống nhất kế hoạch làm việc của Đoàn và hai bên đã ký biên bản ghi nhớ về việc đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

- Đoàn nghiên cứu thông tin, minh chứng của Báo cáo tự đánh giá (TĐG).

- Đoàn gặp Hội đồng TĐG để trao đổi những điểm chưa rõ về Chương trình, yêu cầu bổ sung, sắp xếp minh chứng để mô tả rõ thêm các tiêu chí.

- Đoàn gặp 15 giảng viên của khoa Điện để lấy ý kiến bằng phiếu và phỏng vấn để tìm hiểu rõ thêm về Chương trình đào tạo.

- Đoàn tham quan khoa Điện để tìm hiểu thêm về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Đoàn đã tham quan, khảo sát Trung tâm thí nghiệm và Trung tâm thực hành của Nhà trường.

- Đoàn đã dự và quan sát các giờ học của sinh viên tại Trung tâm thí nghiệm và Trung tâm thực hành.

- Đoàn quan sát hoạt động giảng dạy học, thi kết thúc học phần của sinh viên nhà Trường.

- Đoàn gặp các cán bộ quản lý (phòng, ban, trung tâm) trao đổi để hiểu rõ thêm về chương trình đào tạo.

- Đoàn gặp 25 sinh viên của Chương trình để phỏng vấn để đánh giá chương trình đào tạo.

- Đoàn viết báo cáo kết quả các ngày làm việc và thống nhất với Hội đồng TĐG của Chương trình.

Việc chuẩn bị và phối hợp của Nhà trường trong quá trình khảo sát tốt, đáp ứng các yêu cầu của Đoàn ĐGN.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài (không quá 10 trang):

3.1. Mức độ phù hợp của cấu trúc báo cáo tự đánh giá theo qui định

- Các nhận xét chung: Báo cáo Tự đánh giá được viết công phu, cẩn thận, ít lỗi chính tả. Báo cáo đã đề cập đầy đủ 36 tiêu chí của 8 tiêu chuẩn trong Bộ tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo của Đại học Thái Nguyên.

- Các nhận xét cụ thể về:

+ Cách thức mô tả các hoạt động liên quan đến tiêu chí: nhìn chung tốt, Tuy nhiên, đôi chỗ còn mang tính văn nói, một số diễn giải còn lủng củng, tối nghĩa, còn mắc một số lỗi chính tả.

+ Cách thức phân tích, so sánh, các nhận định (điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân): trình bày phân mô tả tốt, kèm minh chứng, chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động cụ thể. Tuy nhiên, do vài nơi còn lẫn lộn nội hàm nên việc xác định điểm mạnh và tồn tại chưa chính xác.

+ Cách thức đưa ra những vấn đề cần cải tiến và biện pháp thực hiện của ngành và của Trường: cụ thể và có tính khả thi cao.

+ Tính chắc chắn và đầy đủ của các thông tin và minh chứng về mức độ đạt được: cần bổ sung thêm vì một số minh chứng quá cũ như minh chứng.

+ Văn phong, cách thức trình bày, lập luận trong báo cáo tự đánh giá: còn một số chỗ chưa rõ ràng, vẫn còn vài lỗi chính tả, còn một số lỗi đánh máy.

3.2. Mức độ bao quát bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng:

Báo cáo tự đánh giá đã đề cập tất cả 36 tiêu chí của 8 tiêu chuẩn trong Bộ tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo của Đại học Thái Nguyên.

3.3. Những tiêu chí chưa được nhà trường phân tích, đánh giá đầy đủ hoặc thiếu thông tin và minh chứng dẫn đến thiếu cơ sở để khẳng định mức đạt được của tiêu chí: Không, chỉ thiếu vài minh chứng để khẳng định chắc chắn hơn các nhận định trong Báo cáo tự đánh giá.

3.4. Thống kê kết quả đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Thang điểm					Điểm trung bình của tiêu chuẩn
	0	1	2	3	4	
Tiêu chuẩn 1			X			2,8
Tiêu chí 1.1				X		
Tiêu chí 1.2				X		
Tiêu chí 1.3				X		
Tiêu chí 1.4						
Tiêu chuẩn 2						2,8
Tiêu chí 2.1				X		
Tiêu chí 2.2				X		
Tiêu chí 2.3				X		
Tiêu chí 2.4				X		
Tiêu chí 2.5			X			
Tiêu chí 2.6				X		
Tiêu chuẩn 3				X		2,6
Tiêu chí 3.1				X		
Tiêu chí 3.2			X			
Tiêu chí 3.3						

Tiêu chuẩn 4						3,0
Tiêu chí 4.1				x		
Tiêu chí 4.2				x		
Tiêu chí 4.3				x		
Tiêu chí 4.4				x		
Tiêu chí 4.5				x		
Tiêu chuẩn 5						3,0
Tiêu chí 5.1				x		
Tiêu chí 5.2				x		
Tiêu chí 5.3				x		
Tiêu chí 5.4				x		
Tiêu chí 5.5				x		
Tiêu chuẩn 6						2,8
Tiêu chí 6.1				x		
Tiêu chí 6.2				x		
Tiêu chí 6.3				x		
Tiêu chí 6.4				x		
Tiêu chí 6.5				x		
Tiêu chí 6.6			x			
Tiêu chuẩn 7						3,0
Tiêu chí 7.1				x		
Tiêu chí 7.2				x		
Tiêu chí 7.3				x		
Tiêu chí 7.4				x		
Tiêu chí 7.5				x		
Tiêu chuẩn 8						3,0
Tiêu chí 8.1				x		
Tiêu chí 8.2				x		
Điểm trung bình chung của chương trình						2,9

4. Những mặt mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá

Mục tiêu chương trình đào tạo TĐHXNCN được xác định phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, yêu cầu của xã hội và thường xuyên được rà soát, đổi mới đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định và phân biệt rõ các khối kiến thức để đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội với số lượng sinh viên lựa chọn chương trình tự động hoá có tỷ lệ cao nhất so với các chương trình khác trong Khoa.

Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và được thực hiện thường xuyên phù hợp với từng học phần. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: website, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên môn học, giáo viên chủ nhiệm. Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên thuộc chương trình TĐHXNCN đảm bảo công khai, chính xác. Khoa đã triển khai nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học. Kết quả học tập của người học được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là sổ sách và phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý đào tạo, đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

Đội ngũ giảng viên, nhân viên thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Độ tuổi khá trẻ nên tiếp thu nhanh những kiến thức mới và thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học và thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ.

Việc cung cấp thông tin cho người học đã được Khoa Điện quan tâm bằng nhiều hình thức cụ thể, đa dạng và đầy đủ đảm bảo cho người học yên tâm học tập thông qua việc hiểu rõ nội dung chương trình mà mình đang theo

học. Nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được Khoa quan tâm và tạo điều kiện cho người học yên tâm trong học tập.

Trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo đầy đủ, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học được trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại, đạt tiêu chuẩn. Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử. Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý.

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

5. Những tồn tại

Nội dung đào tạo cho người học trong chương trình TĐHXNCN còn chưa được chú trọng nhiều vào thực hành. Nhà trường chưa có quy trình cụ thể về đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình TĐHXNCN đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

Số lượng học phần tự chọn chuyên sâu theo từng lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể của chương trình chưa thực sự đáp ứng với nhu cầu xã hội.

Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết, nhất là đối với các đề thi cho hình thức liên thông, vừa làm vừa học. Chưa có quy định cụ thể về cách đánh giá điểm thường xuyên, do đó chưa có sự thống nhất chung về tiêu chí đánh giá điểm với tất cả các học phần. Tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện và chưa định kỳ đánh giá. Kết quả học tập một số môn học thuộc hệ đào tạo phi chính quy chương trình Tự động hoá còn chậm trễ trong việc công bố điểm (nhất là đối với hệ vừa làm vừa học).

Giảng viên có trình độ TS chiếm tỉ lệ thấp (chiếm khoảng 20%). Số lượng giảng viên và chuyên viên tham gia đánh giá, khảo sát trước và sau khi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều.

Nhà trường chưa đánh giá hiệu quả của các hoạt động thu hút người học và chưa có các tài liệu để hướng dẫn người học về các chính sách thu hút người học vào quá trình đào tạo. Chưa tiến hành việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của cố vấn học tập trong việc cung cấp thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra.

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện. Diện tích dành cho nghiên cứu khoa học và sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên chưa đạt yêu cầu. Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt. Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn chưa đầy đủ và còn thiếu các trang thiết bị ở các phòng học.

Chương trình đào tạo Tự động hoá chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện. Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều.

6. Kiến nghị đối với đơn vị

Nội dung chương trình TĐHXNCN cần được rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển và nhu cầu của xã hội. Chương trình cần đảm bảo tính hiện đại và tăng tính thực hành. Cần có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình TĐHXNCN đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

Cần có kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn để nâng cao tỉ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Nhà trường cần chú trọng đầu tư thư viện số để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên của Chương trình trong việc tiếp cận nguồn tài liệu học tập

được dễ dàng. Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện.

Hệ thống trang thiết bị thực hành tuy đã cơ bản đáp ứng được chương trình đào tạo nhưng số lượng còn ít, các máy còn lạc hậu chưa bắt kịp được với sự phát triển của các nhà máy, doanh nghiệp. Nhà trường cần quan tâm đầu tư hoặc có cơ chế liên kết với các nhà máy xí nghiệp để sinh viên được tiếp cận với các máy móc hiện đại, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Khoa cần có quy định cụ thể trong việc lưu trữ các minh chứng phục vụ cho công tác kiểm định chương trình đào tạo.

Phần II.

ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO BỘ TIÊU CHUẨN

Đánh giá tính xác thực và khách quan của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn bao gồm các phần mô tả, điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch và TĐG mức đạt được.

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu của xã hội

○ Điểm mạnh:

- Mục tiêu của CTĐT Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp đã được xác định xuất phát từ sứ mạng của nhà trường, gắn với yêu cầu thực tiễn, yêu cầu xã hội và đã được phổ biến tới CBGV, HSSV.

- Nhà trường đã chuyển đổi mục tiêu chương trình đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ.

○ Tồn tại và các giải pháp khắc phục

Tồn tại:

- Mục tiêu chương trình đào tạo chưa được phổ biến rộng rãi tới người học, nhà tuyển dụng và chưa thường xuyên.

- Chưa khảo sát giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về mục tiêu CTĐT.

- Chưa có quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu CTĐT.

Giải pháp khắc phục:

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh mục tiêu CTĐT

- Nhà trường cần xây dựng quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu CTĐT

○ Những điểm chưa rõ

- Nội dung các minh chứng đưa ra chưa rõ, quyết định ban hành sứ mạng?

- Báo cáo tự đánh giá chưa bám sát nội hàm tiêu chí
- Thiếu minh chứng cho việc triển khai, rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu CTĐT,

○ **Mức đạt được của tiêu chí: Mức 2.**

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được

○ **Điểm mạnh:**

Chương trình đào tạo đã xác định rõ mục tiêu và nêu rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được sau khi tốt nghiệp

○ **Tồn tại và các giải pháp khắc phục**

- Chưa khảo sát giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ được nêu trong CTĐT.
- Chưa có quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung về các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ được nêu trong CTĐT.
- Kế hoạch cải thiện chưa cụ thể.

Giải pháp khắc phục:

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh về các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ
- Nhà trường cần xây dựng quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

○ **Những điểm chưa rõ**

- Nội dung các minh chứng đưa ra thuyết phục
- Bổ sung minh chứng cho việc rà soát, điều chỉnh bổ sung các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong năm 2014.
- Báo cáo tự đánh giá chưa bám sát nội hàm tiêu chí

○ **Mức đạt được của tiêu chí: Mức 2.**

Tiêu chí 1.3: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá, điều chỉnh và bổ sung

○ **Điểm mạnh:**

- Nhà trường đã chuyển đổi chương trình đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ.

○ **Tồn tại và các giải pháp khắc phục**

- Chưa khảo sát giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về CTĐT.

- Chưa có văn bản quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung CTĐT.

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT

- Nhà trường cần xây dựng quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung CTĐT

○ **Những điểm chưa rõ**

- Minh chứng còn thiếu và nội dung các minh chứng đưa ra chưa rõ

- Bổ sung minh chứng cho việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, nhất là năm 2014.

- Báo cáo tự đánh giá chưa bám sát nội hàm tiêu chí

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 2.

Tiêu chí 1.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động, xã hội

○ **Điểm mạnh:**

- Nhà trường đã xây dựng và tuyên bố chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

○ **Tồn tại và các giải pháp khắc phục của đơn vị:**

- Chưa khảo sát giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra CTĐT.

- Chuẩn đầu ra chưa được rà soát, điều chỉnh thường niên.

- Chưa có quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung chuẩn đầu ra CTĐT.

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT

- Nhà trường cần xây dựng quy định định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa, bổ sung chuẩn đầu ra CTĐT

○ *Những điểm chưa rõ*

- Báo cáo tự đánh giá chưa bám sát nội hàm tiêu chí
- Thiếu minh chứng cho việc triển khai, rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra CTĐT

○ *Mức đạt được của tiêu chí: Mức 3.*

* **Đánh giá chung** (trong phạm vi tiêu chuẩn 1):

1. Những điểm mạnh (những điểm mạnh quan trọng nhất)

Sứ mạng của nhà trường và mục tiêu chương trình đào tạo tự động hoá đã được xác định rõ ràng và công bố rộng rãi trong nhà trường cũng như ngoài xã hội.

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng cụ thể, rõ ràng và đã được rà soát, bổ sung, cập nhật, điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu xã hội.

Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng rõ ràng và phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Có thực hiện đánh giá, điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo.

2. Những tồn tại (những tồn tại cần lưu ý nhất)

Hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo và rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu chương trình Cơ khí chế tạo máy chưa được tổ chức theo định kỳ.

3. Kiến nghị đối với đơn vị

- Cần xây dựng quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

- Cần xây dựng quy định định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung CTĐT

- Cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT

- Cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT

Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo

Tiêu chí 2.1. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- ***Điểm mạnh:***

Chương trình đào tạo được rà soát với sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia đào tạo, cựu sinh viên và giảng viên. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đã được áp dụng và có tác dụng tích cực.

- ***Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục***

Số lượng học phần chuyên sâu chưa nhiều. Trong quá trình thực tập tại Trung tâm thực hành, sinh viên còn ít được trực tiếp thao tác. Đề xuất tăng số học phần tự chọn chuyên sâu tiếp cận các công nghệ tiên tiến trong thực tế. Phải bổ sung các thông tin, minh chứng từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2014.

- ***Những điểm chưa rõ***

Chưa có kế hoạch cải tiến cụ thể trong năm 2014, thiếu các minh chứng về sự tham gia của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, giảng viên,... trong rà soát xây dựng chuẩn đầu ra.

- ***Mức đạt được của tiêu chí:*** Mức 3

Tiêu chí 2.2. Chương trình đào tạo bảo đảm sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng cần thiết khác.

- ***Điểm mạnh:***

Chương trình đào tạo bảo đảm sự cân đối giữa các khối kiến thức. Đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học, đảm bảo các chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên ngành, ngoại ngữ và tin học.

- ***Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục:***

Chương trình chưa thể hiện sự lồng ghép được nhiều các kỹ năng mềm phục vụ người học. Đề xuất cụ thể hóa số học phần về đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên. Phải bổ sung các thông tin, minh chứng từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2014.

- ***Những điểm chưa rõ:***

Chưa có kế hoạch cải tiến cụ thể trong năm 2014. Các minh chứng cần được tách biệt, mã hóa lại cho đúng nội hàm.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3

Tiêu chí 2.3. Các môn học có sự logic bổ sung cho nhau.

- **Điểm mạnh:**

Đề cương các môn học đều thể hiện yêu cầu tiên quyết theo thứ tự trước sau, thể hiện tính hệ thống, logic của chương trình đào.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục:**

Chưa có khảo sát về tính hợp lý, lô gic giữa các môn học trong giáo viên, sinh viên của Khoa. Đề xuất lấy ý kiến của giảng viên, sinh viên sát về tính hợp lý, lô gic giữa các môn học trong CTĐT của Khoa. Phải bổ sung các thông tin, minh chứng từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2014.

- **Những điểm chưa rõ:**

Chưa có kế hoạch cải tiến cụ thể trong năm 2014.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3

Tiêu chí 2.4. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội.

- **Điểm mạnh**

Mục tiêu chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu thị trường lao động khu vực, số lượng tuyển sinh các năm gần đây đạt cao.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Chưa có khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành, khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng sinh viên. Đề xuất khảo sát xã hội về tình trạng việc làm cựu sinh viên đồng thời trang bị thêm kỹ năng thực hành trong CTĐT của Khoa. Phải bổ sung các thông tin, minh chứng từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2014.

- **Những điểm chưa rõ**

Chưa có kế hoạch cải tiến cụ thể trong năm 2014. Thiếu các văn bản của Nhà nước, của ngành về chiến lược phát triển, định hướng đào tạo chuyên ngành, các biên bản, quyết định về việc rà soát chương trình.

○ *Mức đạt được của tiêu chí:* Mức 3

Tiêu chí 2.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo.

○ *Điểm mạnh*

Chương trình đảm bảo tính liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ và phương thức đào tạo. Chương trình quy định rõ khối lượng kiến thức phải chuyển đổi và bù đắp khi liên thông giữa các hệ đào tạo, thuận lợi cho người học.

○ *Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục*

Chưa có các khảo sát cụ thể về nhu cầu xã hội đối với việc liên thông đào tạo, đặc biệt là các đối tượng học Cao đẳng nghề. Khoa chưa tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học. Đề xuất khảo sát xã hội về nhu cầu liên thông từ các đối tượng Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học. Phải bổ sung các thông tin, minh chứng từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2014.

○ *Những điểm chưa rõ*

Chưa có kế hoạch cải tiến cụ thể trong năm 2014. Thiếu Quy định về thực hiện đào tạo liên thông giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo trong nhà trường; Quy định về liên thông môn học, chương trình với các đơn vị khác trong và ngoài ĐHTN; Các đề án liên thông giữa các chương trình đào tạo từ cao đẳng lên đại học, văn bằng thứ hai...

○ *Mức đạt được của tiêu chí:* Mức 2

Tiêu chí 2.6. Chương trình đào tạo mềm dẻo giúp người học có khả năng lựa chọn môn học, tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá và thời gian học tập phù hợp.

○ *Điểm mạnh*

- Người học được lựa chọn các học phần tự chọn trong phân kiến thức chuyên ngành. Các phương thức kiểm tra đánh giá là đa dạng và đảm bảo minh bạch, phù hợp với trình độ của người học.

- ***Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục***

Chưa có nhiều lựa chọn về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa kỳ. Đề xuất khảo sát trong giảng viên, sinh viên về hiệu quả của các phương thức kiểm tra đánh giá tại Khoa. Phải bổ sung các thông tin, minh chứng từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2014.

- ***Những điểm chưa rõ***

Chưa có kế hoạch cải tiến cụ thể trong năm 2014. Thiếu các quy định của đơn vị về việc lựa chọn môn học, tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá và thời gian học tập của người học.

- ***Mức đạt được của tiêu chí:*** Mức 3

Đánh giá chung (trong phạm vi tiêu chuẩn 2):

- ***Những điểm mạnh:***

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa Xí nghiệp công nghiệp là chương trình đã được đào tạo nhiều năm của nhà trường. Chương trình có nội dung phù hợp với mục tiêu đào tạo cũng như nhu cầu của xã hội nên thu hút được chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.

- Chuẩn đầu ra của chương trình đã thực sự được áp dụng khi xét tốt nghiệp về các tiêu chí kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học.

- Nhà trường có các chính sách tích cực trong hỗ trợ bồi dưỡng chuẩn ngoại ngữ cho cán bộ giảng viên.

- ***Những tồn tại***

- Hệ thống thực hành, thí nghiệm còn chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập của người học cả về số lượng trang thiết bị và nhu cầu được thao tác thực tế trên thiết bị có công nghệ tiên tiến.

- Số lượng sinh viên trên một giảng viên là lớn (khó khăn cho công tác đảm bảo chất lượng).

- Hệ thống các minh chứng phục vụ cho đánh giá chương trình còn thiếu và chưa được mã hóa chi tiết).

○ **Kiến nghị đối với đơn vị**

Nhà trường phải có kế hoạch cải thiện chất lượng cho năm 2015. Trước mắt là bổ sung hệ thống các minh chứng từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2014.

Tiêu chuẩn 3: Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm

○ **Điểm mạnh:**

Nhà trường đã tổ chức đánh giá việc soạn bài của từng giáo viên, tăng cường biên soạn giáo trình, bài giảng theo định hướng lấy người học làm trung tâm.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục:**

Nội dung chủ yếu mang tính kế thừa, chưa có nhiều thay đổi kịp thời với yêu cầu cập nhật của ngành đào tạo.

Việc NCKH phục vụ đào tạo chưa lôi cuốn được nhiều người học tham gia.

Nhà trường cần cập nhật kịp thời những nội dung mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Tăng cường kiểm tra đánh giá thường xuyên đối với người học. Tổ chức các hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy.

○ **Những điểm chưa rõ:**

Bổ sung các minh chứng còn thiếu của tiêu chí.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3

Tiêu chí 3.2: Người học được tư vấn, hướng dẫn về các chiến lược học tập

○ **Điểm mạnh**

Khoa có đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, nhiệt tình với công việc.

Người học thường xuyên được tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Một số cố vấn học tập chưa phát huy được vai trò tư vấn của mình đối với người học.

Còn nhiều sinh viên chưa thật sự tích cực, chủ động trong học tập và NCKH.

- Nhà trường cần có quy định về nhiệm vụ của cố vấn học tập, cần lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về vấn đề này.

○ **Những điểm chưa rõ:**

Một số đoạn có nội dung không sát với tiêu chí. Bổ sung các minh chứng còn thiếu của tiêu chí.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo tạo ra các cơ hội học tập và giao lưu giúp người học có thể tham gia, phát huy tối đa các khả năng của bản thân

○ **Điểm mạnh**

Người học thường xuyên được tham gia các hoạt động học tập, giao lưu để có thể phát huy các khả năng của bản thân.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Chương trình đào tạo còn chưa có sự phối hợp kịp thời giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành.

Nhà trường cần tiến hành điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học và giảng viên về chương trình đào tạo.

○ **Những điểm chưa rõ:**

Một số đoạn trong báo cáo có nội dung không sát với tiêu đề tiêu chí.

Bổ sung và cập nhật các minh chứng còn thiếu.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 2

***Đánh giá chung** (trong phạm vi tiêu chuẩn 3):

○ **Những điểm mạnh**

- Nhà trường đã tổ chức đánh giá việc soạn bài của từng giáo viên, tăng cường biên soạn giáo trình, bài giảng theo định hướng lấy người học làm trung tâm.

- Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, nhiệt tình với công việc. Người học thường xuyên được tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập.

- Người học thường xuyên được tham gia các hoạt động học tập, giao lưu để có thể phát huy các khả năng của bản thân.

○ **Những tồn tại**

- Nội dung đào tạo chưa có nhiều thay đổi kịp thời với yêu cầu cập nhật của ngành đào tạo.

- Một số cố vấn học tập chưa phát huy được vai trò tư vấn của mình đối với người học.

- Chương trình đào tạo còn chưa có sự phối hợp kịp thời giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành.

○ **Kiến nghị đối với đơn vị**

Nhà trường cần cập nhật kịp thời những nội dung mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Tăng cường kiểm tra đánh giá thường xuyên đối với người học. Tổ chức các hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy.

Nhà trường cần có quy định về nhiệm vụ của cố vấn học tập, cần lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về vấn đề này.

Nhà trường cần tiến hành điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học và giảng viên về chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 4: Kiểm tra đánh giá

Tiêu chí 4.1. Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo.

○ **Điểm mạnh**

- Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và được thực hiện thường xuyên phù hợp với từng học phần.

- 100% số môn học thuộc chương trình đào tạo Tự động hoá đã có ngân hàng câu hỏi thi, trong đó, một số môn có ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm trên máy tính.

- Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa. Mỗi kỳ thi đều có sự giám sát của cán bộ Phòng KT&ĐBCLGD, Hội đồng thi khoa Điện và Bộ môn Tự động hoá.

- Công tác chấm thi đối với học phần thi viết được thực hiện tập trung tại phòng chấm thi của khoa Điện. Chấm thi trắc nghiệm trên máy tính và bài thi thực hành trên máy tính được thực hiện theo phần mềm và được công bố sau khi sinh viên hoàn thành bài thi.

○ ***Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục***

- Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết, nhất là đối với các đề thi cho hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Chưa có quy định cụ thể về cách đánh giá điểm thường xuyên, do đó chưa có sự thống nhất chung về tiêu chí đánh giá điểm với tất cả các học phần. Tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện và chưa định kỳ đánh giá.

- Một số môn học chưa đánh giá được mức độ tích lũy về năng lực thực hành của người học.

- Nhà trường cần xây dựng quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó chú ý đến những quy định cụ thể để khắc phục các tồn tại đã nêu ở trên và đã nêu trong báo cáo tự đánh giá. Phòng chức năng cần tiến hành việc phân tích kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ để có những khuyến cáo về nội dung đánh giá, hình thức đánh giá để đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo.

○ ***Những điểm chưa rõ:*** Không có.

○ ***Mức đạt được của tiêu chí:*** Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố rộng rãi đến người học

- **Điểm mạnh**

Các thông tin đánh giá về điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ và các phương pháp đánh giá cụ thể (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp), cách tính điểm trung bình, cách quy đổi điểm số, điểm chữ theo thang điểm 4 của đào tạo tín chỉ được trình bày đầy đủ trong Niên giám trường đại học và sổ tay sinh viên được phát cho sinh viên từ năm thứ nhất.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Chưa xây dựng được các tiêu chí đánh giá cụ thể của từng môn học.

- **Những điểm chưa rõ:** Không có.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 4.3: Các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học

- **Điểm mạnh**

- Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác thi hệ đại học chính quy, trong đó quy định cụ thể, rõ ràng công tác phúc khảo bài thi kết thúc học phần.

- Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên đảm bảo công khai, chính xác.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Chưa có quy định về công tác phúc khảo điểm báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp.

- **Những điểm chưa rõ:** Không có.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 4.

Tiêu chí 4.4: Độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được định kỳ thẩm định.

- **Điểm mạnh**

Đã thực hiện rà soát, bổ sung ngân hàng câu hỏi, tổ chức đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học theo chủ trương chung của nhà trường.

○ ***Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục***

Chưa có các văn bản quy định về việc đánh giá độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá;

Chưa có các minh chứng về seminar/hội thảo/hội nghị đánh giá mức độ tin cậy và tính giá trị của các bài thi hết môn trong trường;

Chưa có báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về năng lực thực tế của người học khi thực tập tại cơ sở và đối chiếu so sánh với kết quả học tập tại trường;

Chưa có thực hiện thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để điều chỉnh các loại hình thi và độ khó của từng đề thi;

○ ***Những điểm chưa rõ:*** Không có.

○ ***Mức đạt được của tiêu chí:*** Mức 2.

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý tin cậy.

○ ***Điểm mạnh***

Có nhiều minh chứng để chứng minh kết quả học tập được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý tin cậy.

Kết quả học tập của người học được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là sổ sách và phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý đào tạo, đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

○ ***Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục***

Việc công bố điểm thi đôi khi còn chậm so với kế hoạch do các giảng viên phải làm nhiều việc cùng lúc như coi thi, hỏi thi, chấm thi, giảng dạy.

Trong quá trình làm điểm vẫn còn tồn tại sai sót, nhầm lẫn.

○ ***Những điểm chưa rõ:*** không có.

○ ***Mức đạt được của tiêu chí:*** Mức 3.

***Đánh giá chung** (trong phạm vi tiêu chuẩn 4):

○ **Những điểm mạnh** (những điểm mạnh quan trọng nhất)

- Các hình thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học rất đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng.

- Các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học cũng qua các kênh như trên.

- Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý và tin cậy cao.

○ **Những tồn tại** (những tồn tại cần lưu ý nhất)

- Chưa có các minh chứng về seminar/hội thảo/hội nghị đánh giá mức độ tin cậy và tính giá trị của các bài thi hết môn trong trường;

- Chưa có thực hiện thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để điều chỉnh các loại hình thi và độ khó của từng đề thi;

○ **Kiến nghị đối với đơn vị**

Hàng năm, cần thực hiện thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để điều chỉnh các loại hình thi và độ khó của từng đề thi;

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, giảng viên nhân viên

Tiêu chí 5.1: Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng viên và nhân viên đáp ứng các nhu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CTĐT

○ **Điểm mạnh**

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giảng viên, nhân viên (bảng 16, 17) đáp ứng được nhu cầu đào tạo của ngành (đảm bảo theo quy định mở ngành/ chuyên ngành đào tạo của bộ GD&ĐT)

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Số lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, nhân viên chưa thật sự đáp ứng quy mô đào tạo của ngành (thể hiện qua tỷ lệ SV/GV quy đổi cao) dẫn đến việc quy mô một lớp học lớn, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

- Nỗ lực hơn trong việc chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng theo đề án vị trí việc làm của Đại học Thái Nguyên

- *Những điểm chưa rõ: Không có*
- *Mức đạt được của tiêu chí: Mức 3.*

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ giảng viên và nhân viên được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

- ***Điểm mạnh***

- Số lượng đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo; được đào tạo chính quy ở các trường trong nước và nước ngoài. Cơ cấu tổ chức của chương trình đã huy động tối đa năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý và giảng viên ngành TĐHXNCN trong Trường và trong Đại học Thái Nguyên; trong đó có nhiều giảng viên trẻ, nhiệt tình, có ý chí vượt khó và say mê nghiên cứu khoa học và một số giảng viên có chức danh và học vị cao, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học

- Đội ngũ cán bộ giảng viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ định kỳ theo kế hoạch

- Nhà trường có cơ chế chính sách rõ ràng, công khai hỗ trợ khuyến khích động viên đội ngũ CBGV kịp thời

- *Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục*

Giảng viên có trình độ Tiến sĩ chiếm tỉ lệ chưa cao (20%). Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều giảng viên có trình độ Đại học (chiếm 18,5%).

- *Những điểm chưa rõ: Không có.*
- *Mức đạt được của tiêu chí: Mức 3.*

Tiêu chí 5.3: Việc tuyển chọn, nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và các thành tích khác

- ***Điểm mạnh***

Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp

với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Một số minh chứng được liệt kê trong danh mục, mà minh chứng không có trong hộp minh chứng.

- **Những điểm chưa rõ**

Diện tích phòng thí nghiệm trung bình đầu sinh viên.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Việc sắp xếp bố trí nhân lực vào các vị trí phù hợp với năng lực quản lý, trình độ chuyên môn và công việc đảm nhận.

- **Điểm mạnh**

- Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các cấp theo quy định quản lý cán bộ của DHTN và được công khai

- Nhà trường có những quy định cụ thể về trình độ tương ứng với vị trí công việc đảm nhận.

- Nhà trường đã tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường.

- **Những điểm chưa rõ:** Không có.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 5.5: Có quy trình đánh giá cán bộ phù hợp trên tinh thần hướng đến sự cải thiện về mọi mặt của CB GV.

- **Điểm mạnh**

- Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, qua đó lãnh đạo Nhà trường nắm được thực trạng hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên để có chính sách phù hợp nhằm khuyến khích giảng viên nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo.

- Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến người học và cán bộ giảng viên về chất lượng phục vụ tại các đơn vị chức năng. Đây là kênh thông tin hữu ích giúp Nhà trường điều chỉnh hoạt động phục vụ, làm tăng mức độ hài lòng của đội ngũ cán bộ, người học về hoạt động phục vụ, đây là minh chứng cho thấy tính dân chủ trong nhà trường đồng thời phục vụ cho hoạt động tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá trường đại học.

- Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục của đất nước và nhiệm vụ đào tạo của trường.

- Quy trình đánh giá cán bộ giảng viên phù hợp theo từng lĩnh vực nhiệm vụ, công khai và dân chủ.

○ ***Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục***

Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

○ ***Những điểm chưa rõ:*** Không có.

○ ***Mức đạt được của tiêu chí:*** Mức 3.

*** Đánh giá chung** (trong phạm vi tiêu chuẩn 5)

○ ***Những điểm mạnh (những điểm mạnh quan trọng nhất)***

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giảng viên, nhân viên (bảng 16, 17) đáp ứng được nhu cầu đào tạo của ngành (đảm bảo theo quy định mở ngành/ chuyên ngành đào tạo của bộ GD&ĐT)

- Số lượng đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo; được đào tạo chính quy ở các trường trong nước và nước ngoài. Cơ cấu tổ chức của chương trình đã huy động tối đa năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý và giảng viên ngành TĐHXNCN trong Trường và trong Đại học Thái Nguyên; trong đó có nhiều giảng viên trẻ, nhiệt tình, có ý chí vượt khó và say mê nghiên cứu khoa học và một số giảng viên có chức danh và học vị cao, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học

- Đội ngũ cán bộ giảng viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ định kỳ theo kế hoạch.

- Nhà trường có cơ chế chính sách rõ ràng, công khai hỗ trợ khuyến khích động viên đội ngũ CBGV kịp thời

- Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ.

- *Những tồn tại (những tồn tại cần lưu ý nhất)*

- Giảng viên có trình độ Tiến sĩ chiếm tỉ lệ chưa cao (20%). Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều giảng viên có trình độ Đại học (chiếm 18,5%).

- Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

- *Kiến nghị đối với đơn vị*

Cần có kế hoạch cử cán bộ đi học nghiên cứu sinh để nâng cao tỉ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Tên tiêu chí 6.1: Có chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo.

- *Điểm mạnh*

Khoa đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục

- Chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học về chương trình đào tạo. Chưa có những khen thưởng đột xuất để động viên kịp thời với người học.

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về chương trình đào tạo. Có những khen thưởng động viên kịp thời với những sinh viên đạt thành tích xuất sắc.

- *Những điểm chưa rõ:*

Một số nội dung chưa sát với nội hàm tiêu chí.

Bổ sung các minh chứng còn thiếu

- *Mức đạt được của tiêu chí:* Mức 3.

Tên tiêu chí 6.2: Người học được cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập.

- **Điểm mạnh**

Nhà trường và khoa có quy định chặt chẽ về việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho người học.

Việc tiếp nhận thông tin phản hồi từ người học kịp thời và liên tục.

Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục

Kênh thông tin mà người học nhận được chưa phong phú đa dạng.

Nhà trường cần tăng cường các kênh thông tin cung cấp cho người học đầy đủ và kịp thời về chương trình đào tạo

- **Những điểm chưa rõ:**

Bổ sung các minh chứng còn sót của tiêu chí.

- *Mức đạt được của tiêu chí:* Mức 3.

Tên tiêu chí 6.3: Người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập.

- **Điểm mạnh**

Nhà trường có nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, đảm bảo người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của cố vấn học tập và tư vấn việc làm đối với sinh viên đã tốt nghiệp.

Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của người học để nâng cao hơn chất lượng tư vấn và hỗ trợ người học trong quá trình học tập.

- **Những điểm chưa rõ**

Một số nội dung trong báo cáo còn chưa chuẩn xác.

Cần bổ sung đầy đủ minh chứng của tiêu chí.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tên tiêu chí 6.4: Người học được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách xã hội.

- **Điểm mạnh**

Nhà trường, khoa đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách xã hội cho người học. Người học được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, được chăm sóc sức khỏe thường xuyên.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Thông tin về các chế độ chính sách của sinh viên chưa được tư vấn kịp thời.

- Ký túc xá của nhà trường chưa đáp ứng được hết nhu cầu ở nội trú của sinh viên.

- Nhà trường cần tư vấn kịp thời cho sinh viên về các chế độ chính sách xã hội mà họ được hưởng.

- **Những điểm chưa rõ**

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của người học về việc đảm bảo quyền lợi về các chế độ chính sách xã hội mà họ được hưởng.

- Bổ sung các minh chứng còn thiếu của tiêu chí.

- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tên tiêu chí 6.5: Người học được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh

- **Điểm mạnh**

- Nhà trường có cơ sở vật chất khá đầy đủ, đảm bảo cho người học có một môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh.

- Nhà trường và khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho người học và có các câu lạc bộ để đáp ứng các sở thích và phát huy năng lực của người học.

- **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của người học về môi trường học tập.

- Nhà trường tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất để tạo ra một môi trường học tập, sinh hoạt tốt hơn cho người học.

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của người học về vấn đề này.

○ **Những điểm chưa rõ**

- Cần bổ sung các minh chứng còn thiếu của tiêu chí.

- Cần viết lại phần điểm mạnh, những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng cho sát với nội dung tiêu chí.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tên tiêu chí 6.6: Các chương trình hỗ trợ người học có hiệu quả trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách.

○ **Điểm mạnh**

Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cho người học được nhà trường thực hiện khá tốt. Người học tham gia các hoạt động này tự nguyện và nhiệt tình.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của người học về vấn đề này đồng thời khoa nên có các biện pháp thu hút sinh viên tham gia, xây dựng những hoạt động riêng mang tính đặc thù của chuyên ngành

○ **Những điểm chưa rõ**

Nội dung báo cáo chưa sát với tiêu đề tiêu chí.

Bổ sung minh chứng còn thiếu của tiêu chí.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 2.

* **Đánh giá chung** (trong phạm vi tiêu chuẩn 6):

○ **Những điểm mạnh**

- Nhà trường có nhiều chính sách thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo, có chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo.

- Nhà trường có quy định chặt chẽ về việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho người học. Việc tiếp nhận thông tin phản hồi từ người học kịp thời và liên tục.

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách xã hội cho người học. Người học được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, được chăm sóc sức khỏe thường xuyên.

- Nhà trường có cơ sở vật chất khá đầy đủ, đảm bảo cho người học có một môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh.

○ **Những tồn tại:**

- Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học về chương trình đào tạo. Chưa có những khen thưởng đột xuất để động viên kịp thời với người học. Kênh thông tin mà người học nhận được chưa phong phú đa dạng.

- Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của cố vấn học tập và tư vấn việc làm đối với sinh viên đã tốt nghiệp.

- Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

○ **Kiến nghị đối với đơn vị:**

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về chương trình đào tạo. Có những khen thưởng động viên kịp thời với những sinh viên đạt thành tích xuất sắc.

- Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của người học để nâng cao hơn chất lượng tư vấn và hỗ trợ người học trong quá trình học tập.

- Nhà trường tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất để tạo ra một môi trường học tập, sinh hoạt tốt hơn cho người học.

Tiêu chuẩn 7: Trang thiết bị cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho thực hiện Chương trình đào tạo.

○ **Điểm mạnh**

- Hệ thống giảng đường của Nhà trường thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

- Các phòng học được trang bị dụng cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại đạt tiêu chuẩn.

- Sinh viên ngành Tự động hóa có điều kiện thí nghiệm, thực hành tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo: học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn sản xuất.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Trang thiết bị phục vụ thực hành thực tập đủ chủng loại nhưng thiếu về số lượng, một số trang thiết bị xuống cấp lạc hậu.

- Một số minh chứng được liệt kê trong danh mục, mã minh chứng không có trong hộp minh chứng

- Xây dựng kế hoạch bổ sung thay thế trang thiết bị

- Bổ sung và sắp xếp lại minh chứng cho logic.

○ **Những điểm chưa rõ:** Không có.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 7.2: Có thư viện với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ.

○ **Điểm mạnh**

Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện.

○ **Những điểm chưa rõ:** Không có.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 7.3: Có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm và phòng làm việc đáp ứng nhu cầu của người học, cán bộ, giảng viên.

○ **Điểm mạnh**

- Giảng đường A8, A9, A10, A16, nhà TN và tòa nhà làm việc của Nhà trường được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

- Giảng viên được nhà trường bố trí 2 người một phòng làm việc đầy đủ trang thiết bị cần thiết (nhà A₁ đến A₄), kết nối internet qua Wifi.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Công cụ hỗ trợ cho giảng viên tại phòng làm việc vẫn chưa thực sự đầy đủ.

○ **Những điểm chưa rõ:** Không có.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 7.4: Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sử dụng của người học, cán bộ, giảng viên.

○ **Điểm mạnh**

- Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý.

- Để nâng cao hiệu quả sử dụng, Nhà trường đã xây dựng quy định việc sử dụng cho hệ thống mạng và hệ thống phòng máy tính phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt.

- Một số minh chứng được liệt kê trong danh mục, mã minh chứng không có trong hộp minh chứng

○ **Những điểm chưa rõ:** Không có.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 7.5: Có các biện pháp sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.

○ **Điểm mạnh**

- Các trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường trực tiếp phục vụ giảng dạy như giảng đường, phòng thực hành máy tính, phòng thực hành ngoại ngữ, hệ thống bàn ghế, máy tính, âm ly loa đài... được dùng chung trong toàn Trường. Khi sử dụng các trang thiết bị này được điều phối qua thời khoá biểu hoặc lịch theo đơn xin đề nghị của các đơn vị, do đó tần suất sử dụng đạt mức cao: 2 ca trong ngày cả ngày thứ 7 và chủ nhật.

- Tổ chức quản lý trang thiết bị hiệu quả, tiết kiệm (Nhà trường thành lập các trung tâm phục vụ thực hành, thực tập như trung tâm thí nghiệm, trung tâm, trung tâm thực nghiệm)

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

- Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn tiến hành chưa đầy đủ ở các trang thiết bị và các phòng học. Khai thác thiết bị chưa đạt hiệu quả cao.

- Chưa khảo sát định kỳ nhu cầu của người học về mức độ đáp ứng của trang thiết bị

- Một số minh chứng được liệt kê trong danh mục, mã minh chứng không có trong hộp minh chứng

○ **Những điểm chưa rõ:** Không có.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

* **Đánh giá chung** (trong phạm vi tiêu chuẩn 7):

○ **Những điểm mạnh (những điểm mạnh quan trọng nhất)**

- Hệ thống giảng đường của Nhà trường thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

- Các phòng học được trang bị dụng cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại đạt tiêu chuẩn.

- Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử.

○ **Những tồn tại (những tồn tại cần lưu ý nhất)**

- Trang thiết bị phục vụ thực hành thực tập đủ chủng loại nhưng thiếu về số lượng, một số trang thiết bị xuống cấp lạc hậu.

- Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in
- Một số minh chứng được liệt kê trong danh mục, mà minh chứng không có trong hộp minh chứng

○ **Kiến nghị đối với đơn vị:**

- Nâng cao số lượng và chất lượng đi trang thiết bị thí nghiệm.
- Cần có biện pháp lưu trữ minh chứng tốt hơn.

TIÊU CHUẨN 8: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY/ HỌC TẬP

Tiêu chí 8.1: Chương trình đào tạo được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của hoạt động đào tạo bao gồm sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.

○ **Điểm mạnh**

- Nhà trường đã định kỳ khảo sát ý kiến người học về các môn học và giảng viên của chương trình đào tạo CKCTM trong mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được áp dụng điều chỉnh đề cương, phương pháp giảng dạy.

- Đã thực hiện lấy ý kiến nhà tuyển dụng, cựu người học về hiệu quả của hoạt động đào tạo của chương trình CKCTM, kết quả đã được hội đồng khoa học và đào tạo khoa nghiên cứu điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội vào năm 2013.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện.

Quy định về công tác lấy ý kiến người học, cán bộ, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng cũng như quy trình thực hiện chưa được ban hành.

- **Những điểm chưa rõ:** Không có.
- **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

Tiêu chí 8.2: Chương trình đào tạo được điều chỉnh trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội.

○ **Điểm mạnh**

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình đào tạo quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

○ **Những tồn tại và đề xuất hướng khắc phục**

Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều

○ **Những điểm chưa rõ:** Không có.

○ **Mức đạt được của tiêu chí:** Mức 3.

*** Đánh giá chung** (trong phạm vi tiêu chuẩn 8):

1. Những điểm mạnh (những điểm mạnh quan trọng nhất)

Đã định kỳ khảo sát ý kiến người học về các môn học và giảng viên của chương trình đào tạo CKCTM trong mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được áp dụng điều chỉnh đề cương, phương pháp giảng dạy.

Kết quả lấy ý kiến nhà tuyển dụng, cựu người học đã được hội đồng khoa học và đào tạo khoa nghiên cứu dùng để điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội vào năm 2013.

2. Những tồn tại

Chương trình đào tạo chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện. Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều.

3. Kiến nghị đối với đơn vị:

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên. Tổ chức lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội.

Thái Nguyên, ngày 5 tháng 3 năm 2015

TRƯỜNG ĐOÀN
(Kí và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Trịnh Xuân Tráng', is written over the printed name.

PGS.TS. Trịnh Xuân Tráng

CÁC PHỤ LỤC CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về trường và kết quả tự đánh giá

A1. Giới thiệu tóm tắt về trường (1-2 trang)

Khoa Điện được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1972. Ngay sau khi được thành lập, đúng vào thời kỳ giặc Mỹ đánh phá ác liệt nhằm phá hoại công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, trong đó có khu Gang thép Thái Nguyên. Ngày 02/11/1972 thầy và trò khoa Điện chuyển từ nơi sơ tán Xã Phục Linh, Huyện Đại từ về nơi sơ tán mới xã Long Thành - Huyện Phổ Yên - Bắc Thái. Sau khi Hiệp định Pari về việc lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết. Ngày 27/03/1973 thầy và trò khoa Điện rời xã Long Thành - Phổ Yên - Bắc Thái trở về trường công tác và học tập. Giai đoạn đầu khi đất nước thống nhất, cả nước còn nhiều khó khăn, những năm (1980 đến 1984) Nhà nước phải vận dụng chính sách tạm nghỉ “tự túc”: cán bộ, giáo viên, sinh viên tạm nghỉ làm việc, giảng dạy và học tập một đến hai tháng để tự túc lương thực. Trong thời gian này Khoa Điện bằng chính nội lực của mình, các giảng viên khoa Điện đã thâm nhập thực tế ngoài xã hội, chia sẻ kiến thức cho phục vụ sản xuất, ký kết các hợp đồng kinh tế với các nhà máy, các cơ sở sản xuất bên ngoài,... mang về lợi nhuận kinh tế và uy tín cho nhà trường, đồng thời cải thiện nâng cao đời sống cho tập thể, cá nhân người tham gia. Đó chính là phôi thai cho sự ra đời Công ty TNHH Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Niềm tự hào của Nhà trường.

Năm 2005, khi nhà trường chuyển hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ Khoa Điện đã thực hiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ với chương trình 180 tín chỉ và đến năm 2009 là 155 tín chỉ cho đến 2012 các chuyên ngành như Tự động hóa, Hệ thống điện, Kỹ thuật điện, thiết bị điện và cho đến năm 2013 Nhà trường đã yêu cầu Khoa rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo thành 152 tín chỉ với mục tiêu đáp ứng nhu cầu xã hội.

Cơ cấu tổ chức của Khoa Điện:



A2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá (5-7 trang)

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Mục tiêu chương trình đào tạo Tự động hoá được xác định phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, yêu cầu của xã hội và thường xuyên được rà soát, đổi mới đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng rõ ràng, phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chương trình đào tạo đã gần đáp ứng được nhu cầu xã hội. Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành là >75%.

2. Những tồn tại

Mục tiêu chương trình đào tạo Tự động hoá chưa thực sự được đông đảo nhà tuyển dụng biết đến. Nội dung đào tạo cho người học trong chương trình Tự động hoá còn chưa được chú trọng nhiều vào thực hành. Nhà trường chưa có quy trình cụ thể về đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

tạo. Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình Tự động hoá đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013 – 2014, Khoa Điện phối hợp chặt chẽ cùng các phòng ban chức năng, các khoa khác để thông tin mạnh mẽ về chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo Tự động hoá tới rộng rãi các nhà tuyển dụng và xã hội; bổ sung những nội dung đào tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua hoạt động giảng dạy lý thuyết kết hợp chặt chẽ với thực hành các môn học trong chương trình đào tạo; xây dựng, ban hành quy trình về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Khoa Điện kết hợp với Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình Tự động hoá.

Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định và phân biệt rõ các khối kiến thức để đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức. Được sắp xếp các học phần logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp với tổng thể chương trình, thể hiện tính liên thông ngang, dọc tốt. Các môn học được sắp xếp đúng vào các khối kiến thức. Các môn học có yêu cầu tiên quyết, đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống, logic và sự bổ sung cho nhau. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội với số lượng sinh viên lựa chọn chương trình tự động hoá có tỷ lệ cao nhất so với các chương trình khác trong Khoa. Đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ và phương thức tổ chức đào tạo. Người học được lựa chọn môn học trong danh mục môn học của từng học kỳ và được lựa chọn các môn học để cải thiện kết quả học tập.

2. Những tồn tại

Số lượng học phần tự chọn chuyên sâu theo từng lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể của chương trình chưa thực sự đáp ứng với nhu cầu xã hội. Đề cương của chương trình Tự động hoá chưa thể hiện rõ các kỹ năng thực hành cần trang bị cho người học. Khoa chưa lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo. Nhà trường và Khoa chưa khảo sát mức độ phù hợp nội dung chương trình với nhu cầu xã hội. Chưa có nhiều lựa chọn về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa học phần.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2013- 2014, tăng cường các học phần tự chọn chuyên sâu phù hợp với nhu cầu xã hội cụ thể trong chương trình đào tạo. Rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học, giáo án cần bổ sung, thể hiện thêm kỹ năng thực hành, cụ thể hóa hơn kỹ năng thực hành trong từng giáo án, đề cương chi tiết ở đầy đủ các hệ chính quy, VLVH, liên thông, văn bằng 2. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo. Trong giai đoạn 2013-2015, Khoa Điện rà soát và điều chỉnh đề cương môn học chi tiết, trong đó đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy được tính linh hoạt trong nhận thức chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong năm học 2014 – 2015, Khoa Điện tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình tự động hoá để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu học tập của xã hội.

Trong giai đoạn 2013-2016, Khoa Điện phối hợp cùng với các phòng chức năng tiến hành rà soát, đối chiếu, so sánh, bổ sung đề cương môn học bậc đại học và bậc ThS.

Tiêu chuẩn 3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Điện đã thực sự coi trọng và tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên về phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Định hướng, tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập và NCKH tới sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú. Định kỳ, Nhà trường và

Khoa tiến hành sơ kết học kỳ để đánh giá tình hình giảng dạy và học tập; đối thoại với sinh viên để nắm bắt tình hình học tập, giải đáp những thắc mắc, khó khăn của sinh viên. Chương trình đào tạo Tự động hoá đã tạo ra nhiều cơ hội học tập và giao lưu cho người học từ đó phát huy khả năng của bản thân như: tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thực hành, khả năng thuyết trình và chủ động trong học tập. Khoa và Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, giao lưu tạo cơ hội cho người học tham gia và phát huy khả năng cá nhân của người học.

2. Những tồn tại

Vai trò cố vấn học tập chưa thực sự phát huy hiệu quả về chiến lược học tập đối với từng sinh viên. Người học ở hệ đào tạo vừa làm vừa học, văn bằng 2 chưa tham gia vào các câu lạc bộ và các hoạt động giao lưu của Khoa và Nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013-2014 các bộ môn hoàn thiện đề cương chi tiết môn học. Tổ chức hội nghị công tác cố vấn học tập cho các giảng viên. Vào đầu mỗi học kỳ Khoa, các Câu lạc bộ sẽ xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động và giao lưu đến các lớp trong đó có cả các lớp vừa làm vừa học, văn bằng 2.

Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra đánh giá

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và được thực hiện thường xuyên phù hợp với từng học phần. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: website, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên môn học, giáo viên chủ nhiệm. Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên thuộc chương trình Tự động hoá đảm bảo công khai, chính xác. Khoa đã triển khai nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học. Kết quả học tập của người học được quản lý

song song bằng cả hai hệ thống là sổ sách và phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý đào tạo, đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

2. Những tồn tại

Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết, nhất là đối với các đề thi cho hình thức liên thông, vừa làm vừa học. Chưa có quy định cụ thể về cách đánh giá điểm thường xuyên, do đó chưa có sự thống nhất chung về tiêu chí đánh giá điểm với tất cả các học phần. Tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện và chưa định kỳ đánh giá. Kết quả học tập một số môn học thuộc hệ đào tạo phi chính quy chương trình Tự động hoá còn chậm trễ trong việc công bố điểm (nhất là đối với hệ vừa làm vừa học).

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013 – 2014, Nhà trường ban hành quy định chung về các tiêu chí đánh giá điểm thường xuyên đối với tất cả các học phần. Ban hành quy định hướng dẫn chi tiết việc thực hiện đánh giá. Quy định các bộ môn phân công chấm thi cụ thể cho giảng viên trong bộ môn và giảng viên đó có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Nhà trường. Thời gian nộp điểm môn học cho Phòng đào tạo trong vòng 7 ngày tính từ ngày thi. Việc chấm điểm, vào điểm phải chính xác, nếu vi phạm sẽ đánh giá vào công tác thi đua của giáo viên và bộ môn quản lý.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

1. Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên, nhân viên thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Độ tuổi khá trẻ nên tiếp thu nhanh những kiến thức mới và thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học và thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho

cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ. Tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn. Hàng năm đều tổ chức đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên dựa trên các tiêu chí đã xây dựng và phổ biến một cách công bằng, minh bạch và khách quan.

2. Những tồn tại

Giảng viên có trình độ TS chiếm tỉ lệ thấp (chiếm khoảng 20%). Số lượng giảng viên và chuyên viên tham gia đánh giá, khảo sát trước và sau khi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều. Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên. Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường. Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013- 2014, Khoa Điện lập kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn. Tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong phục vụ giảng dạy. Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên, phối hợp với các cuộc điều tra về hoạt động đào tạo của Nhà trường bằng cách bổ sung tiêu chí này vào bảng câu hỏi.

Tiêu chuẩn 6. Người học

1. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học. Việc cung cấp thông tin cho người học đã được Khoa Điện hết sức quan tâm bằng nhiều hình thức cụ thể, đa dạng và đầy đủ đảm bảo cho người học yên tâm học tập thông qua việc hiểu rõ nội dung chương trình mà mình đang theo học. Nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh

cho hoạt cho người học, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được Khoa quan tâm và tạo điều kiện cho người học yên tâm trong học tập. Nhà trường, Khoa đã quan tâm đúng mức các hoạt động trên nên việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của SV có chuyển biến rõ rệt. Tình hình trật tự, an ninh trong Khoa cũng như trong Nhà Trường nhìn chung tốt.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa đánh giá hiệu quả của các hoạt động thu hút người học và chưa có các tài liệu để hướng dẫn người học về các chính sách thu hút người học vào quá trình đào tạo. Chưa tiến hành việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của cố vấn học tập trong việc cung cấp thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra. Chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Chưa tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Chưa có giải pháp hiệu quả, thu hút, lôi cuốn được SV tham gia. Bên cạnh đó còn chưa tổ chức được các hoạt động mang tính đặc thù dành riêng cho SV chương trình Tự động hoá. Khoa chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học, có văn bản hướng dẫn cụ thể về những chính sách khen thưởng cho sinh viên, tạo động lực cho người học tham gia vào chương trình đào tạo. Trong năm học 2013-2014 và những năm tiếp theo Khoa Điện sẽ tổ chức các buổi tư vấn và tiến hành khảo sát lấy ý kiến người về vai trò của cố vấn học tập với việc đáp ứng nhu cầu thông tin tới người học. Tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về môi trường học tập chương trình Tự động hoá. Nhà trường tổ chức đánh giá về số

lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này mỗi năm 1 lần.

Tiêu chuẩn 7. Trang thiết bị, cơ sở vật chất

1. Những điểm mạnh

Trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo đầy đủ, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học được trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại, đạt tiêu chuẩn. Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử. Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý. Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị có khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng, có tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của cán bộ, giảng viên và sinh viên để sửa chữa trang thiết bị.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện. Diện tích dành cho nghiên cứu khoa học và sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên chưa đạt yêu cầu. Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt. Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn chưa đầy đủ và còn thiếu các trang thiết bị ở các phòng học.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện. Trong năm học 2013-2014, xây dựng cơ chế và giải pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống mạng máy tính. Bổ sung hướng dẫn sử dụng lên các thiết bị ở giảng đường như máy chiếu, âm ly loa đài... Năm học 2013 – 2014 thực hiện bố trí phòng làm việc cho từng giảng viên của các khoa chuyên môn, các bộ môn.

Tiêu chuẩn 8. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/học tập

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

2. Những tồn tại

Chương trình đào tạo Tự động hoá chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện. Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên với quy mô mẫu đủ lớn, áp dụng lấy ý kiến riêng cho chương trình đào tạo Tự động hoá. Tổ lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội, dự kiến tổ chức lần tiếp theo vào năm 2014. Các ý kiến từ phía sinh viên, cựu sinh viên sẽ được mở rộng do tăng số lượng điều tra.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH TỰ ĐỘNG HÓA XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

Mã/tên trường: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Tên chương trình: Tự động hóa xí nghiệp Công nghiệp

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Thang điểm					Điểm trung bình của tiêu chuẩn
	0	1	2	3	4	
Tiêu chuẩn 1						3
Tiêu chí 1.1				3		
Tiêu chí 1.2				3		
Tiêu chí 1.3				3		
Tiêu chí 1.4				3		
Tiêu chuẩn 2						2,8
Tiêu chí 2.1				3		
Tiêu chí 2.2				3		
Tiêu chí 2.3				3		
Tiêu chí 2.4				3		
Tiêu chí 2.5			2			
Tiêu chí 2.6				3		
Tiêu chuẩn 3						3,3
Tiêu chí 3.1					4	
Tiêu chí 3.2				3		
Tiêu chí 3.3				3		
Tiêu chuẩn 4						3,0
Tiêu chí 4.1				3		
Tiêu chí 4.2				3		
Tiêu chí 4.3					4	
Tiêu chí 4.4			2			
Tiêu chí 4.5				3		
Tiêu chuẩn 5						3,4
Tiêu chí 5.1					4	
Tiêu chí 5.2					4	
Tiêu chí 5.3				3		
Tiêu chí 5.4				3		

ĐP

Tiêu chí 5.5			3		
Tiêu chuẩn 6					
Tiêu chí 6.1			3		
Tiêu chí 6.2				4	
Tiêu chí 6.3			3		
Tiêu chí 6.4				4	
Tiêu chí 6.5			3		
Tiêu chí 6.6				4	
Tiêu chuẩn 7					
Tiêu chí 7.1			3		
Tiêu chí 7.2			3		
Tiêu chí 7.3			3		
Tiêu chí 7.4			3		
Tiêu chí 7.5		2			
Tiêu chuẩn 8					
Tiêu chí 8.1			3		
Tiêu chí 8.2			3		
Điểm trung bình chung của chương trình					3.1

Phụ lục B. Quyết định thành lập đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và danh sách các thành viên

Phụ lục C. Danh mục viết tắt

Viết đầy đủ	Viết tắt
Đánh giá ngoài	ĐGN
Tự đánh giá	TĐG
Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp	TĐHXNCN
Học sinh sinh viên	HSSV
Cán bộ viên chức	CBVC
Giảng viên	GV
Nghiên cứu khoa học	NCKH
Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	KTCN-ĐHTN
Tiến sĩ	TS
Thạc sĩ	ThS